

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế
đối với ngành Thuế năm 2009 và năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 48/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Ban hành cơ chế quản lý tài chính và biên chế áp dụng đối với ngành Thuế trực thuộc Bộ Tài chính trong thời gian 2 năm, từ năm 2009 đến hết năm 2010.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

Việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính và biên chế của ngành Thuế phải bảo đảm các mục tiêu, yêu cầu sau đây:

1. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với các khoản thu nội địa; hoàn thành nhiệm vụ thu thuế cho ngân sách nhà nước được nhà nước giao.

2. Đổi mới cơ chế quản lý biên chế và kinh phí hoạt động của ngành Thuế; thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, có trình độ chuyên môn cao; sử dụng kinh phí được giao gắn với kết quả và hiệu quả hoạt động tổ chức thu ngân sách nhà nước; trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho thủ trưởng đơn vị trong tổ chức công việc, sử dụng lao động và sử dụng các nguồn lực tài chính.

3. Chủ động trong sử dụng nguồn kinh phí được giao, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tập trung hiện đại hóa công nghệ thông tin và trang bị kỹ thuật hiện đại để nâng cao hiệu lực, hiệu quả và hiện đại hoá công nghệ quản lý nhằm thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ nhà nước giao, đủ điều kiện hội nhập quốc tế; tăng cường đào tạo và bổ sung thu nhập cho cán bộ, công chức.

4. Thực hiện công khai dân chủ theo quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của cán bộ, công chức ngành Thuế.

Điều 3. Về biên chế

1. Biên chế của ngành Thuế được xác định trong phạm vi tổng số biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cho Bộ Tài chính. Bộ trưởng Bộ Tài chính giao chỉ tiêu biên chế cho ngành Thuế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định trên cơ sở chủ động tổ chức, sắp xếp bộ máy quản lý và sử dụng lao động theo đúng chủ trương tinh giản biên chế của Nhà nước.

2. Trường hợp do thành lập thêm hoặc sáp nhập đơn vị Thuế tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc được bổ sung chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền mà cần tăng thêm hoặc giảm biên chế, Bộ trưởng Bộ Tài chính thống nhất với Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Ngoài số biên chế được giao, ngành Thuế được hợp đồng thuê khoán công việc và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Kinh phí bảo đảm hoạt động

1. Kinh phí bảo đảm hoạt động của ngành Thuế được xác định là 1,8% trên dự toán thu được Quốc hội thông qua do ngành Thuế tổ chức thực hiện trong dự toán thu - chi ngân sách nhà nước hàng năm, bao gồm: chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng.

2. Chi ứng dụng công nghệ thông tin, hiện đại hoá ngành bảo đảm mức tối thiểu là 18% trên tổng số chi thường xuyên; chi đầu tư xây dựng bảo đảm mức tối thiểu là 10% trên dự toán chi hàng năm được duyệt của ngành Thuế.

3. Dự toán chi bảo đảm hoạt động của ngành Thuế được tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài chính, trình Quốc hội quyết định.

4. Trường hợp số thu do ngành Thuế tổ chức thực hiện hàng năm tăng hoặc giảm so với dự toán thu được Quốc hội giao, Bộ Tài chính trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Khi Nhà nước thay đổi chính sách, chế độ, ngành Thuế tự trang trải các khoản chi tăng thêm theo chính sách, chế độ mới. Trường hợp do các yếu tố khách quan dẫn đến mức kinh phí giao cho ngành Thuế không đủ để bảo đảm mức chi tối thiểu duy trì hoạt động của bộ máy thì Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 5. Các nguồn kinh phí khác

Ngoài mức kinh phí được giao quy định tại Điều 4 Quyết định này, hàng năm ngành Thuế còn được sử dụng các nguồn kinh phí sau:

1. Kinh phí ngân sách nhà nước cấp để thực hiện các nội dung công việc:

- a) Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ.
- b) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo Chương trình của Nhà nước.
- c) Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác của Chính phủ ngoài nhiệm vụ thường xuyên của ngành Thuế.
- d) Thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định.

2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nội dung sử dụng kinh phí hoạt động

1. Nội dung chi thường xuyên:

Kinh phí chi thường xuyên của ngành Thuế (bao gồm cả chi cho hoạt động thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Thuế) gồm các nội dung sau:

a) Chi thanh toán cá nhân (bao gồm cả chi tăng lương, chi thuê khoán công việc và hợp đồng lao động thuê ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này). Trên cơ sở biên chế được Bộ Tài chính giao và dự toán kinh phí được sử dụng, mức chi tiền lương bình quân toàn ngành không vượt quá 1,8 lần so với chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các loại phụ cấp, trừ phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ).

b) Chi quản lý hành chính và chi bảo đảm hoạt động nghiệp vụ chuyên môn, gồm:

- Chi các khoản dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin truyền thông, liên lạc, hội nghị, chi công tác phí, thuê mướn và một số khoản chi khác theo quy định.

- Chi tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.

- Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức theo chương trình, kế hoạch của ngành Thuế.

- Chi án chi thuế, chi uỷ nhiệm thu thuế, trang phục.
- Chi phối hợp công tác để thực hiện nhiệm vụ của ngành Thuế.
- Chi bù đắp thiệt hại về tiền và tài sản cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật.
- Chi kiểm tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn các hành vi trốn lậu thuế và vi phạm pháp luật thuế.
- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn tài sản, trang thiết bị, cơ sở vật chất, trụ sở làm việc phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.
- Chi ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hoá ngành theo chương trình kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Các khoản chi hoạt động thường xuyên khác.

c) Thực hiện các chương trình, dự án theo nhiệm vụ chung của toàn ngành Tài chính trong đó có phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của ngành Thuế như: Dự án hạ tầng truyền thông thống nhất ngành Tài chính, Dự án cơ sở dữ liệu ngành Tài chính, Dự án Trung tâm đào tạo công nghệ thông tin và dự phòng thảm họa, Dự án đào tạo chuyên sâu tin học ngành Tài chính và các Chương trình, dự án khác. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc điều hành dự toán kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên.

d) Ngành Thuế được chủ động sử dụng nguồn kinh phí chi bảo đảm hoạt động thường xuyên phù hợp với nhu cầu thực tế và trong phạm vi số kinh phí được giao. Kinh phí giao bảo đảm hoạt động thường xuyên cuối năm chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

2. Nội dung chi đầu tư xây dựng.

a) Các dự án, công trình của ngành Thuế theo kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính được quyền điều động một phần nguồn vốn đầu tư xây dựng sau khi đã bố trí cho các dự án, công trình quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 nêu trên để đầu tư cho các công trình, dự án khác đã bảo đảm đủ thủ tục nhưng thiếu vốn phục vụ nhiệm vụ chung của ngành Tài chính, trong đó có ngành Thuế.

Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Số kinh phí phân bổ cho ngành Thuế hàng năm nhưng chi không hết thực hiện quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 7. Sử dụng kinh phí tiết kiệm được

Hàng năm, số kinh phí tiết kiệm được từ chi thường xuyên, ngành Thuế được sử dụng cho các nội dung sau:

1. Trường hợp cần thiết cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất và hiện đại hoá ngành trong khi vốn đầu tư xây dựng cơ bản chưa đáp ứng được, ngành Thuế được sử dụng kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được để bố trí cho các công trình đầu tư xây dựng và hiện đại hoá ngành.

2. Trích quỹ dự phòng ổn định thu nhập để: chi bảo đảm ổn định thu nhập cho cán bộ, công chức ngành Thuế do những nguyên nhân khách quan làm giảm thu nhập; hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức ngành Thuế gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc những trường hợp đặc biệt khác. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể mức trích lập Quỹ dự phòng ổn định thu nhập cho phù hợp.

3. Bổ sung thêm thu nhập cho cán bộ, công chức bình quân toàn ngành Thuế tối đa không quá 0,2 lần mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức do Nhà nước quy định (lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp, trừ phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ).

4. Chi khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài ngành Thuế có thành tích đóng góp hỗ trợ cho hoạt động thuế; chi phúc lợi tập thể.

Mức chi khen thưởng, phúc lợi trong ngành Thuế tối đa không quá 03 tháng tiền lương, tiền công và thu nhập thực tế thực hiện trong năm.

5. Trợ cấp thêm ngoài chính sách chung cho những người tự nguyện về nghỉ chế độ trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại lao động; chi hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Thuế.

6. Chi hỗ trợ các hoạt động đoàn thể của ngành Thuế.

7. Số kinh phí còn lại sau khi đã sử dụng cho các nội dung trên đây ngành Thuế được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ trưởng Bộ Tài chính:

a) Ban hành tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu cho phù hợp với hoạt động đặc thù của ngành Thuế trên cơ sở vận dụng tiêu chuẩn, định mức, chế độ Nhà nước quy định và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao.

b) Hướng dẫn thi hành Quyết định này. Chỉ đạo ngành Thuế tổ chức triển khai thực hiện; định kỳ kiểm tra việc thực hiện chế độ quản lý tài chính, biên chế của ngành Thuế bảo đảm đúng mục tiêu yêu cầu.

c) Quý III năm 2010, tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định này, trên cơ sở đó báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cơ chế quản lý tài chính và biên chế đối với ngành Thuế cho giai đoạn tiếp theo.

2. Giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Có trách nhiệm cân đối bố trí vốn đầu tư xây dựng cho ngành Thuế trong dự toán ngân sách hàng năm, trình Quốc hội quyết định.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2009 và được áp dụng cho các năm ngân sách 2009 và 2010.

Kinh phí hoạt động giao khoán cho ngành Thuế (bao gồm cả các quỹ) từ năm 2008 trở về trước chưa sử dụng, thanh toán, ngành Thuế được tiếp tục sử dụng phục vụ cho nhiệm vụ chuyên môn, chi đầu tư xây dựng và chi tăng cường cơ sở vật chất, chi phát triển ngành. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể việc sử dụng số kinh phí trên bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Quyết định số 107/2005/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm khoán biên chế và kinh phí hoạt động của Tổng cục Thuế giai đoạn 2005 - 2007 hết hiệu lực thi hành.

4. Các Bộ trưởng: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).M 290

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng